TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TỊNH BIÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/DS-ST
Ngày: 27/4/2021
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN, TỈNH AN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Minh Chuyên;

2. Ông Phạm Văn Hải.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Minh Hiếu, Thư ký Toà án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Chau Rết, Kiểm sát viên.

Ngày 27/4/2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 103/2020/DSST ngày 17/7/2020 về: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2021/QĐXXST-DS ngày 08/3/2021, quyết định hoãn phiên tòa số 16/2021/QĐST-DS ngày 31/3/2021 và thông báo thay đổi thời gian xét xử số 04/TB.TA ngày 09/4/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng D, trụ sở: Tháp BIDV, 35 Hàng Vôi, quận H, thành phố N;

Đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T - Tổng Giám đốc;

Đại diện theo ủy quyền: Ông Tô Hiền N - Giám đốc Phòng giao dịch Tịnh Biên, Ngân hàng D - Chi nhánh Bắc An Giang (giấy ủy quyền số: 719/GUQ-BIDV.BAG ngày 10/6/2020).

Bị đơn: Ông Trịnh Văn K, sinh năm 1969; địa chỉ cư trú: Khóm Sơn Đông, thị trấn N, huyện T, tỉnh A.

Ông N có mặt; ông K vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn Ngân hàng D trình bày:

Bị đơn ông Trịnh Văn K có ký giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 01/2019/8824085/HĐTD ngày 16/5/2019 với Chi nhánh Ngân hàng D – Phòng giao dịch T, cụ thể:

- Số tiền vay: 150.000.000 (*một trăm năm mươi triệu*) đồng;

- Mục đích vay: Phục vụ nhu cầu đời sống;

- Thời hạn vay: 36 tháng (từ 16/5/2019 đến 16/5/2022);

- Lãi suất: 11,5%/năm (Lãi suất được điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần vào ngày 01 của kỳ điều chỉnh lãi suất, ngày điều chỉnh lãi suất kỳ đầu tiên là ngày 01/11/2019. Các kỳ điều chỉnh lãi suất tiếp theo sẽ được ngân hàng thông báo nếu có thay đổi);

- Lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất trong hạn;

- Lịch trả nợ: Kỳ trả nợ gốc và lãi vay được trả định kỳ ngày 15 hàng tháng.

Ngân hàng đã giải ngân cho bị đơn số tiền 150.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn trả được số tiền 16.834.334 đồng, trong đó: vốn gốc 12.510.000 đồng; lãi trong hạn 4.186.381 đồng; lãi quá hạn 137.953 đồng.

Tính đến ngày 08/6/2020, bị đơn còn nợ ngân hàng số tiền 151.361.339 đồng, trong đó: nợ gốc 137.490.000 đồng; lãi trong hạn 13.081.067 đồng; lãi quá hạn 790.272 đồng.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền 151.361.339 đồng và tiếp tục thanh toán toàn bộ lãi vay phát sinh sau ngày 08/6/2020 với lãi suất theo hợp đồng tín dụng số 01/2019/8224085/HĐTD ngày 16/5/2019 cho đến khi bị đơn trả dứt nợ.

Quá trình tố tụng, Tòa án đã tống đạt hợp lệ; niêm yết các văn bản tố tụng như thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định nhưng bị đơn vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng mặt bị đơn và đã thực hiện việc thông báo (niêm yết) kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 210 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa,

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định không cung cấp, bổ sung thêm tài liệu chứng cứ nào khác; không yêu cầu Tòa án thu thập bổ sung chứng cứ. Đối với yêu cầu khởi kiện, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cho biết tính đến ngày 26/4/2021, bị đơn còn nợ ngân hàng số tiền 172.132.219 đồng, trong đó: nợ gốc 137.490.000 đồng; lãi trong hạn 31.172.773 đồng; lãi quá hạn

3.469.446 đồng. Ngân hàng yêu cầu bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho ngân hàng nợ gốc cùng tiền lãi là 172.132.219 đồng và yêu cầu tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh sau ngày 26/4/2021 với mức lãi suất theo hợp đồng tín dụng số 01/2019/8224085/HĐTD ngày 16/5/2019 cho đến khi bị đơn trả dứt nợ.

- Ý kiến Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, còn để án quá thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về giải quyết vụ án:

Nhận thấy, hợp đồng tín dụng 01/2019/8224085/HĐTD ngày 16/5/2019 được ký kết giữa bị đơn với ngân hàng trên cơ sở tự nguyện, hình thức, nội dung của hợp đồng không trái quy định của pháp luật và đạo đức xã hội, nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ như đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng là vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Do đó, ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho ngân hàng nợ gốc cùng tiền lãi là 172.132.219 đồng và yêu cầu tiếp tục thanh toán tiền lãi vay phát sinh sau ngày 26/4/2021 với lãi suất theo hợp đồng tín dụng số 01/2019/8224085/HĐTD ngày 16/5/2019 cho đến khi bị đơn trả dứt nợ là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 466, 468 Bộ luật dân sự và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng. Từ những nhận định như trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận tại phiên tòa, nhận thấy:

Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ gốc và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 01/2019/8224085/HĐTD ngày 16/5/2019. Xét, đây là tranh chấp phát sinh từ hợp đồng dân sự vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS); bị đơn đăng ký thường trú tại khóm S, thị trấn N, huyện T, tỉnh A nên Tòa án thụ lý giải quyết theo thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS.

Về nội dung:

[3] Hợp đồng tín dụng số 01/2019/8224085/HĐTD ngày 16/5/2019 giữa nguyên đơn và bị đơn được giao kết trên cơ sở tự nguyện; nội dung không trái pháp luật, đạo đức xã hội; các bên tham gia đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên tham gia giao kết hợp đồng.

[4] Bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng, ngân hàng đã tiến hành làm việc với bị đơn yêu cầu thanh toán thể hiện tại biên bản làm việc ngày 04/02/2020 và ngày 10/3/2020. Tại biên bản làm việc, bị đơn có ý kiến là đang xem xét các nguồn tiền từ trợ cấp nghỉ việc để thanh toán cho ngân hàng nhưng đến nay bị đơn vẫn không thực hiện là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay.

Tại khoản 4 Điều 8 hợp đồng tín dụng số 01/2019/8224085/HĐTD ngày 16/5/2019 có quy định:

Ngân hàng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn tất cả các khoản cấp tín dụng chưa thanh toán và xử lý tài sản bảo đảm khi xảy ra một trong các sự kiện vi phạm theo quy định tại Điều 9 bản Điều khoản và điều kiện vay này.

Khoản 1 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định:

Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng.

Do đó, việc ngân hàng khởi kiện thu hồi nợ trước hạn, chấm dứt hợp đồng tín dụng đối với bị đơn là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

[5] Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng:

Khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định:

Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thoả thuận khác.

Khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định:

Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.

Hợp đồng tín dụng các bên xác lập có thỏa thuận lãi và tiền lãi chậm trả. Do đó, việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn có trách nhiệm thanh toán nợ gốc cùng tiền lãi chưa thanh toán tính đến ngày 26/4/2021 số tiền 172.132.219

đồng và yêu cầu tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh sau ngày 26/4/2021 với lãi suất thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng số 01/2019/8224085/HĐTD ngày 16/5/2019 cho đến khi bị đơn trả dứt nợ là có căn cứ chấp nhận.

[6] Về án phí:

Bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền 172.132.219 đồng nên phải chịu 8.606.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí; hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 147 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng D.

Buộc bị đơn ông Trịnh Văn K có trách nhiệm trả cho Ngân hàng D số tiền: 172.132.219 (*một trăm bảy mươi hai triệu, một trăm ba mươi hai nghìn, hai trăm mười chín*) đồng; trong đó:

- Nợ gốc: 137.490.000 đồng;

- Lãi trong hạn: 31.172.773 đồng;

- Lãi quá hạn: 3.469.446 đồng.

Ông Trịnh Văn K tiếp tục trả lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 01/2019/8224085/HĐTD ngày 16/5/2019, kể từ sau ngày 26/4/2021 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

[2] Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trịnh Văn K phải chịu 8.606.000 (*tám triệu, sáu trăm lẻ sáu nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho ngân hàng số tiền 3.784.000 (*ba triệu, bảy trăm tám mươi bốn nghìn*) đồng tạm ứng án phí mà ngân hàng đã nộp theo biên lai số TU/2017/0009483 ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên.

[3] Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận tống đạt hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát huyện Tịnh Biên (2);
- Tòa án tỉnh An Giang (1);
- Thi hành án Dân sự huyện Tịnh Biên (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Tâm